TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/DS-ST
Ngày: 07/8/2025
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trương Hoàng Hoa

2/ Ông Nguyễn Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thuỳ Trang **-** thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đông Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Chí Thiện – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 47/2025/QĐST – DS giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Trần Lê Anh T – sinh năm: 1982;

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh T.

Nay: ấp Đ, xã C, tỉnh Đ

Đại diện uỷ quyền: Nguyễn Thị Huỳnh N – sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ1, huyện C, tỉnh T.

Nay: ấp Đ, xã T, tỉnh Đ.

*** Bị đơn:**

1/ Nguyễn Thành N - sinh năm: 1993;

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh T

Nay: ấp T, xã T1, tỉnh Đ

2/ Trần Thị Mỹ D – sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh T

Nay: ấp L, xã C, tỉnh Đ

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Trần Văn N – sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện C, tỉnh T

Nay: ấp A, xã A1, tỉnh Đ

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng như đại diện uỷ quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:***

Chị T có cho vợ chồng anh Nguyễn Thành N và chị Trần Thị Mỹ D mượn tiền 02 lần để đáo hạn Ngân hàng trong thời hạn 01 tháng như sau:

+ Ngày 15/10/2024 (Dương lịch) tôi có cho anh N, chị D mượn số tiền là 130.000.000 (Một trăm ba mươi triệu đồng).

+ Ngày 05/11/2024 (Dương lịch) anh N, chị D tiếp tục mượn tôi số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Tổng cộng số tiền mà anh N, chị D mượn chị T là 330.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 3%/tháng. Khi mượn tiền thì có đại diện anh N ký tên và ghi rõ họ tên vào giấy mượn tiền. Chị T đã nhiều lần yêu cầu anh N, chị D trả nợ nhưng anh N, chị D cứ hứa hẹn mà không thực hiện việc trả nợ cho tôi. Từ khi mượn tiền đến nay anh N, chị D chưa trả cho chị T bất cứ số tiền vốn và lãi nào.

Do đó, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Nguyễn Thành N và chị Trần Thị Mỹ D có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền vốn là 330.000.000 đồng và tôi yêu cầu tính lãi suất với mức lãi suất là 1,66% kể từ ngày mượn tiền đến ngày Tòa án xét xử vụ kiện đối với các khoản tiền mượn như sau:

+ Đối với số tiền mượn 130.000.000 đồng tính lãi từ ngày 15/10/2024, tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 05 tháng với số tiền là 10.790.000 đồng.

+ Đối với số tiền mượn 200.000.000 đồng tính lãi từ ngày 05/11/2024, tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 05 tháng với số tiền là 16.600.000 đồng.

Tổng cộng tiền vốn và lãi anh Nguyễn Thành N và Trần Thị Mỹ D nợ chị T là 357.390.000 đồng (Ba trăm năm mươi bảy triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng). Tôi yêu cầu trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại buổi hoà giải hôm nay chị T yêu cầu chị D và anh N trả số tiền vốn 330.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thành N và Trần Thị Mỹ D trình bày:***

Chị T có cho vợ chồng tôi mượn tiền 02 lần để đáo hạn Ngân hàng trong thời hạn 01 tháng như sau:

+ Ngày 15/10/2024 (Dương lịch) vợ chồng tôi mượn số tiền là 130.000.000 đồng;

+ Ngày 05/11/2024 (Dương lịch) vợ chồng tôi tiếp tục mượn số tiền là 200.000.000 đồng;

Đối với biên nhận mượn tiền ngày 15/10/2024 và biên nhận ngày 05/11/2024 là do tôi N viết, ký tên và ghi họ tên.

Tổng cộng số tiền mà vợ chồng tôi mượn chị T là 330.000.000 đồng. Nay vợ chồng tôi đồng ý trả cho chị T số tiền vốn gốc 330.000.000 đồng, vợ chồng tôi xin thời hạn 01 tháng tức ngày 21/6/2025 sẽ trả đủ.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ.***

**** Tại phiên toà, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:*** so với yêu cầu khởi kiện ban đầu, chị T xin thay đổi một phần, chị T không yêu cầu tính lãi, chị T yêu cầu chị D anh N trả số tiền vốn 330.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, đồng ý để chị D anh N trả số tiền trên vào ngày 07/9/2025. Chị T yêu cầu tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

**** Tại phiên toà, bị đơn Nguyễn Thành N và Trần Thị Mỹ D trình bày:*** anh N chị D đồng ý trả cho chị T số tiền 330.000.000 đồng, thời gian trả vào ngày 07/9/2025.

**** Tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N trình bày:*** ông không có ý kiến hay yêu cầu gì trọng vụ án tranh chấp giữa chị T với anh N chị D

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm:***

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Buộc anh N chị D trả cho chị T số tiền 330.000.000 đồng vào ngày 07/9/2025.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị T khởi kiện yêu cầu anh N chị D trả cho chị số tiền vay, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh N chị D là bị đơn cư trú tại: xã C, tỉnh Đ nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Đồng Tháp.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về số tiền: Chị T trình bày chị cho vợ chồng anh N chị D vay tiền 02 lần để đáo hạn ngân hàng: ngày 15/10/2024 chị T có cho anh N chị D mượn số tiền là 130.000.000 đồng**,** ngày 05/11/2024 anh N chị D tiếp tục mượn chị T số tiền là 200.000.000 đồng, tổng cộng 330.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị T cung cấp 02 bản chính giấy mượn tiền ngày 15/10/2024 và ngày 05/11/2024, theo biên nhận thì anh N là người viết biên nhận, ký tên và ghi họ tên Nguyễn Thành N. Anh N và chị T cũng thống nhất vợ chồng anh chị thừa nhận có nợ chị T số tiền 330.000.000 đồng, anh chị đồng ý trả nợ cho chị T. Do đó, chị T yêu cầu anh N chị D trả cho chị số tiền vốn 330.000.000 đồng là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền lãi, theo đơn khởi kiện chị T có yêu cầu tính lãi nhưng tại phiên toà chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi chỉ yêu cầu anh N chị D trả vốn. Việc

thay đổi yêu cầu của chị T phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về thời gian trả tiền: Chị D anh N đồng ý trả cho chị T số tiền 330.000.000 đồng, anh chị xin thời gian trả là vào ngày 07/9/2025. Chị T đồng ý cho anh N chị D trả số tiền trên vào ngày 07/9/2025. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N chị D. Chị D anh N có nghãi vụ trả cho chị T vào ngày 07/9/2025.

Từ những phân tích trên, chị T khởi kiện yêu cầu anh N chị D trả cho chị số tiền 330.000.000 đồng, thời hạn trả vào ngày 07/9/2025 là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án có ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2025/QĐ-BPKCTT ngày 14/4/2025 về việc phong toả tài sản của người có nghĩa vụ đó là phần đất diện tích 106m^2 thuộc thửa 774, tờ bản đồ số 3, đất toạ lạc ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh Tiền G theo giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ cấp giấy chứng nhận CN8178 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp cho chị Trần Thị Mỹ D ngày 03/4/2025. Để đảm bảo cho quá trình thi hành án nên tiếp tục duy trì Quyết định số 06/2025/QĐ-BPKCTT ngày 14/4/2025 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên không có ai yêu cầu về thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của chị T được chấp nhận nên anh N chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Lê Anh T

Buộc anh Nguyễn Thành N và chị Trần Thị Mỹ D có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Lê Anh T số tiền 330.000.000 đồng, thời gian trả ngày 07/9/2025.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh N chị D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2025/QĐ-BPKCTT ngày 14/4/2025 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thành N và chị Trần Thị Mỹ D phải chịu 16.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Trần Lê Anh T số tiền 8.934.750 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0008723 ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh ĐT;
- VKSND khu vực 1- ĐT;
- Cục THADS khu vực 1- ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Tuyết Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA